

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Kim Anh; bà Nguyễn Thị Nam Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Như Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Quả - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2025/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12-01-2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28-01-2026; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2026/TB-TA ngày 11-02-2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1994, Căn cước công dân: 049194013513, địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1992, Căn cước công dân: 049092015333, địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Q trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng Q và ông Nguyễn Thành T kết hôn ngày 25-11-2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng) kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài và đã sống ly thân một thời gian. Bà Q không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Q và ông T có một con chung tên Nguyễn Nhật Minh K, sinh ngày 28-8-2019. Hiện nay, cháu K đang sống cùng ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Nhật Minh K, bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Q

đồng ý giao cháu Nguyễn Nhật Minh K, sinh ngày 28-8-2019 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13-02-2026 bị đơn Nguyễn Thành T trình bày: Ông T và bà Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25-11-2016 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (Nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông T và bà Q có một con chung tên Nguyễn Nhật Minh K, sinh ngày 28-8-2019. Khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho bà Q được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 giao cháu Nguyễn Nhật Minh K, sinh ngày 28-8-2019 cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng Q yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với ông Nguyễn Thành T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc Hội thì tranh chấp ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực. Ông Nguyễn Thành T cư trú tại xã T, thành phố Đà Nẵng, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T.

[2] *Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hồng Q và ông Nguyễn Thành T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 25-11-2016, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại bản tự khai, ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Q. Hiện nay, bà Q và ông T không sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Q cho bà Q được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Hồng Q và ông Nguyễn Thành T có một con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh K, sinh ngày 28-8-2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Q đồng ý giao con chung cho ông Nguyễn Thành T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Bà Q, ông T hiện đang có công việc, có thu nhập và nơi ở ổn định. Do vậy, bà Q, ông T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Cháu K hiện đang sinh sống cùng ông T, sinh hoạt, học tập ổn định và đang được chăm sóc và phát triển bình thường. Bà Q đồng ý giao cháu K cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu K cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành (Đủ 18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Thành T không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Nguyễn Thị Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc Hội; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Q đối với ông Nguyễn Thành T về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Hồng Q được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Nhật Minh K, sinh ngày 28-8-2019 cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Thành T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003556 ngày 13-10-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Hồng Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 11-3-2026). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND KV10-Đà Nẵng
- UBND xã Thu Bồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Tấn Chính